



**Thời Khóa Biểu Lớp**  
Học Kỳ 1 - Năm Học 22-23

Mã lớp thời khóa biểu: 2216A1

Ngành: Sư phạm Địa lý (Khóa 48)

Khoa: Sư phạm

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ: **08/08/2022** (Khóa mới K48 bắt đầu học từ ngày 03/10/2022, tuần thứ 09 của học kỳ).

| Thứ                           | Mã số học phần | Ký hiệu | Tên học phần                         | Mã số G.Viên | Tên G.viên | Tiết học     | Phòng học | Trực tuyến | Tuần học<br>12345678901234567890 |
|-------------------------------|----------------|---------|--------------------------------------|--------------|------------|--------------|-----------|------------|----------------------------------|
| <b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b> |                |         |                                      |              |            |              |           |            |                                  |
| 2                             | QP010E         | A04     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |            | 1234-----    | TTQP04    | X          | 9                                |
| 2                             | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | 1234-----    | TTGDQP    |            | 0                                |
| 2                             | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | 1234-----    | TTGDQP    |            | 1                                |
| 2                             | SG130          | A01     | Bản đồ học                           | 01852        | Nhượng     | 12-----      | 206/C2    |            | 2345678                          |
| 2                             | QP010E         | A04     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |            | -----6789--- | TTQP04    | X          | 9                                |
| 2                             | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | -----6789--- | TTGDQP    |            | 0                                |
| 2                             | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | -----6789--- | TTGDQP    |            | 1                                |
| 3                             | QP010E         | A04     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |            | 1234-----    | TTQP04    | X          | 9                                |
| 3                             | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | 1234-----    | TTGDQP    |            | 0                                |
| 3                             | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | 1234-----    | TTGDQP    |            | 1                                |
| 3                             | SG130          | A01     | Bản đồ học                           | 01852        | Nhượng     | 12-----      | 105/C1    |            | 2345678                          |
| 3                             | QP010E         | A04     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |            | -----6789--- | TTQP04    | X          | 9                                |
| 3                             | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | -----6789--- | TTGDQP    |            | 0                                |
| 3                             | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | -----6789--- | TTGDQP    |            | 1                                |
| 4                             | QP010E         | A04     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |            | 1234-----    | TTQP04    | X          | 9                                |
| 4                             | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | 1234-----    | TTGDQP    |            | 0                                |
| 4                             | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | 1234-----    | TTGDQP    |            | 1                                |
| 4                             | SG130          | A01     | Bản đồ học                           | 01852        | Nhượng     | 123-----     | 105/C1    |            | 2345678                          |
| 4                             | QP010E         | A04     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |            | -----678---- | TTQP04    | X          | 9                                |
| 4                             | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | -----678---- | TTGDQP    |            | 0                                |
| 4                             | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | -----678---- | TTGDQP    |            | 1                                |
| 4                             | SHCVHT         | A37     | Cố vấn học tập sinh hoạt lớp         | 02182        | Hiệu       | -----9---    | 204/C2    |            | 9 4 8                            |

## Thời Khóa Biểu Lớp

Mã lớp thời khóa biểu: 2216A1

Trang 2

| Thứ | Mã số học phần | Ký hiệu | Tên học phần                         | Mã số G.Viên | Tên G.viên | Tiết học     | Phòng học | Trực tuyến | Tuần học<br>12345678901234567890 |
|-----|----------------|---------|--------------------------------------|--------------|------------|--------------|-----------|------------|----------------------------------|
| 5   | QP011E         | A04     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |            | 1234-----    | TTQP04    | X          | 9                                |
| 5   | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | 1234-----    | TTGDQP    |            | 0                                |
| 5   | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | 1234-----    | TTGDQP    |            | 1                                |
| 5   | SP009          | A05     | Tâm lý học đại cương                 | 02653        | Phượng     | ---45-----   | 101/C2    |            | 2345678                          |
| 5   | QP011E         | A04     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |            | -----6789--- | TTQP04    | X          | 9                                |
| 5   | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | -----6789--- | TTGDQP    |            | 0                                |
| 5   | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | -----6789--- | TTGDQP    |            | 1                                |
| 6   | QP011E         | A04     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |            | 1234-----    | TTQP04    | X          | 9                                |
| 6   | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | 1234-----    | TTGDQP    |            | 0                                |
| 6   | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | 1234-----    | TTGDQP    |            | 1                                |
| 6   | QP011E         | A04     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |            | -----6789--- | TTQP04    | X          | 9                                |
| 6   | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | -----6789--- | TTGDQP    |            | 0                                |
| 6   | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | -----6789--- | TTGDQP    |            | 1                                |
| 6   | SP009          | A05     | Tâm lý học đại cương                 | 02653        | Phượng     | -----678---- | 114/B1    |            | 2345678                          |
| 7   | QP011E         | A04     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |            | 1234-----    | TTQP04    | X          | 9                                |
| 7   | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | 1234-----    | TTGDQP    |            | 0                                |
| 7   | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | 1234-----    | TTGDQP    |            | 1                                |
| 7   | QP011E         | A04     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |            | -----6789--- | TTQP04    | X          | 9                                |
| 7   | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | -----6789--- | TTGDQP    |            | 0                                |
| 7   | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | -----6789--- | TTGDQP    |            | 1                                |

### \* Lưu ý:

- Sinh viên khóa mới (K48) bắt đầu học từ ngày 03/10/2022 (tuần thứ 09 của học kỳ).
- Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.  
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.
- Tiết học 1, 2, 3, 4, 5 buổi sáng và tiết 6, 7, 8, 9 buổi chiều, chi tiết xem tại <https://tansinhvien.ctu.edu.vn/hoc-tap/bang-phan-bo-thoi-gian-tiet-hoc>
- Ký hiệu nhà học, phòng học xem tại <https://tansinhvien.ctu.edu.vn/hoc-tap/so-do-nha-hoc-ky-hieu-phong-hoc>
- Cột "Trực tuyến" được đánh dấu "X" đối với lớp học phần được giảng dạy hình thức trực tuyến. GV sẽ thông tin đến SV trước khi bắt đầu tiết học.